



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

(Technical Test Certificate)

Số (N^o) : 23940/KĐ.DL CANTHO

1. Thiết bị (Equipment) : MÁY SIÊU ÂM BÊ TÔNG

- Mã hiệu (Model) : C369N
- Số chế tạo (Serial N^o) : C369N/AI/0016
- Nhà chế tạo (Manufacturer) : Italy
- Năm chế tạo (Manufacturer year) : Không rõ

2. Thông số kỹ thuật cơ bản (Basic technical parameter):

- Khoảng đo (Measuring range) : 0,1-7930 ms
- Độ phân giải (Resolution) : 0,1 ms < 793 ms; 1ms > 793 ms

**3. Đơn vị sử dụng (User): CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG
HOÀNG GIA**

Địa chỉ (Add): BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Kết quả: Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng

(The equipment has been tested technically, the technical parameters ensure the requirements according to the manufacturer's design. Equipment is eligible to put into use).

5. Ngày kiểm tra (Inspection date) : 08-5-2025

6. Tem (Stamp N^o) : 239.25/40

7. Ngày khuyến nghị kiểm tra tiếp theo (Recommended next test date) : 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issuance)

Người thực hiện

(Tested by)

Nguyễn Trung Nam

GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



KS. Nguyễn Liên Lâm

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.01L/0525

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ NÉN (COMPRESSION TESTING MACHINE)**

Kiểu (Type): TYA - 2000

Số hiệu (Serial N^o): 20113

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): 2020

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): + Khả năng đo tối đa (Capacity): 2000 kN

+ Giá trị độ chia (Division): 0,01 kN (0 ÷ 999) kN

+ Giá trị độ chia (Division): 0,1 kN (1000 ÷ 2000) kN

+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
06L/HC	Load Cell 3000 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,4 ÷ 29,8) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/01

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Xuân Lâm

GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.01L/0525

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Sai số tương đối (Relative error) %	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,00	0,00	/	/
200,00	201,72	-0,85	0,5
400,00	403,58	-0,89	0,5
600,00	603,87	-0,64	0,5
800,00	804,41	-0,55	0,5
1000,0	1004,73	-0,47	0,5
1200,0	1204,37	-0,36	1,0
1400,0	1404,29	-0,31	1,0
1600,0	1604,57	-0,28	1,0
1800,0	1804,82	-0,27	1,0

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép: $\pm 1\%$ giá trị đọc.

(Permitted error: $\pm 1\%$ reading value).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

212

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.02L/0525

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ KÉO NÉN (UNIVERSAL TESTING MACHINE)**
Kiểu (Type): **WA - 1000B**
Số hiệu (Serial N^o): **2042** Mã nhận dạng (ID): **N/A**
Nơi sản xuất (Manufacturer): **China** Năm sản xuất (Year): **2020**
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):
+ Khả năng đo tối đa (Capacity): **1000 kN**
+ Giá trị độ chia (Division): **0,01 kN**
+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) **BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) **BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**
Phương pháp thực hiện: **ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn**
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
05L/HC	Load Cell 1000 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): **(28,7 ÷ 28,8) °C**

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)**

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): **239.25L/02**

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): **08-5-2025**

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): **08-5-2026**

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)



KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.02L/0525

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal.device) kN	Sai số tương đối (Relative error) %	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,00	0,00	/	/
100,00	100,03	-0,030	0,5
200,00	200,30	-0,151	0,5
300,00	300,64	-0,213	0,5
400,00	401,51	-0,377	0,5
500,00	501,67	-0,333	0,5
600,00	601,22	-0,202	0,5
700,00	701,73	-0,247	0,5
800,00	801,59	-0,198	0,5
900,00	901,60	-0,177	0,5

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(This instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép: $\pm 1\%$ giá trị đọc.

(Permitted error: $\pm 1\%$ reading value).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiệt, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.03L/0525

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỬ NÉN (COMPRESSION TESTING MACHINE)**
Kiểu (Type): TYA - 300
Số hiệu (Serial N^o): 2304725 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): 2023
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): + Khả năng đo tối đa (Capacity): 300 kN
+ Giá trị độ chia (Division): 0,01 kN
+ Chỉ thị hiện số (Digital Indicator):

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 109 : 2002 Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
04L/HC	Load Cell 300 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,6 ÷ 28,7) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/03

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯƠNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)



KS. Nguyễn Kiên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC
(Director)



Phó Giám Đốc
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.03L/0525

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Sai số tương đối (Relative error) %	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0,00	0,000	/	/
30,00	30,164	-0,54	0,5
60,00	60,209	-0,35	0,5
90,00	90,324	-0,36	0,5
120,00	120,137	-0,11	0,5
150,00	149,978	0,01	0,5
180,00	180,213	-0,12	0,5
210,00	210,622	-0,30	0,5
240,00	240,758	-0,31	0,5
270,00	270,676	-0,25	0,5

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo ĐLVN 109:2002. Cấp chính xác 1

(This Instrument has been calibrated complying with ĐLVN 109:2002. Accuracy class 1)

- Sai số cho phép: $\pm 1\%$ giá trị đọc.

(Permitted error: $\pm 1\%$ reading value).

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

DL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.05L/0525

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**
(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N^o): 11486

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 250 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): China

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N^o): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): China

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N^o): HC69610593670

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) Mpa

+ Giá trị vạch chia (Division): 1 Mpa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/05A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of Calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
04L/HC	Load cell 300 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,5 ÷ 28,8) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/05

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

KS. **GIÁM ĐỐC**
(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



KS. Nguyễn Tiên Lâm



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (No): 239.05L/0525

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) Mpa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal.device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
10	48,198	50,037	1,99
15	70,483	71,679	1,33
20	92,769	92,893	1,10
25	115,054	116,904	1,26
30	137,340	138,342	1,11
35	159,625	159,938	1,07
40	181,911	182,433	1,07
45	204,196	201,367	1,20
50	226,482	226,083	1,06

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation): $y = 4,4571x + 3,6267$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN
(y: Calculated value, kN)
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, Mpa
(x: Reading on tester, Mpa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

212

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.06L/0525

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**
(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N°): 01086

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 350 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): China

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N°): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): China

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N°): HC71622804705

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) Mpa

+ Giá trị vạch chia (Division): 1 Mpa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/06A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of Calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)
05L/HC

Tên chuẩn (Description)
Load cell 1000 kN

Liên kết chuẩn (Traceability)
VMI

Hiệu lực (Due Date)
7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,4 ÷ 29,5) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/06

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)



KS. Nguyễn Tiên Lâm

KT. GIÁM ĐỐC
(Director)





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (No): 239.06L/0525

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) Mpa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal. device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
10	74,22	73,39	1,01
15	111,08	112,03	1,00
20	147,95	148,82	1,00
25	184,82	184,25	1,00
30	221,69	222,32	1,00
35	258,56	259,06	1,00
40	295,43	295,35	1,00
42	310,17	309,56	1,00
45	332,30	331,94	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation): $y = 7,3737x + 0,4785$

Với (With):
y: Giá trị tính toán, kN
(y: Calculated value, kN)
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, Mpa
(x: Reading on tester, Mpa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.07L/0525

Tên phương tiện đo (Object): **KÍCH THỦY LỰC**
(HYDRAULIC CYLINDERS)

Kiểu (Type): HT 150

Số hiệu (Serial N°): 665-1

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Năm sản xuất (Year): 2021

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Khả năng tạo tải tối đa (Capacity): 2000 kN

- Bộ bơm thủy lực: + Kiểu (Type): N/A + Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

(Set of hydraulic pump) + Số hiệu (Serial N°): N/A

- Đồng hồ đo áp suất: + Kiểu (Type): Lò xo ống + Nơi sản xuất (Manufacturer): EXCEL

(Pressure gauge) + Số hiệu (Serial N°): 205688M

+ Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 60) MPa

+ Giá trị vạch chia (Division): 0,2 MPa

+ Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/07A

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi Hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of Calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 06 : 2022 Kích thủy lực, máy (dàn) ép cọc thủy lực - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
06L/HC	Load cell 3000 kN	VMI	7-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,7 ÷ 29,8) °C

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25L/07

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

KT. GIÁM ĐỐC
(Director)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiến Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (No): 239.07L/0525

Giá trị đọc trên phương tiện đo (Reading on tester) MPa	Giá trị tính toán (Calculated value) kN	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (Average reading on cal.device) kN	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) %
0	/	0,00	/
10	414,33	403,87	1,08
15	620,53	623,37	1,00
20	826,73	830,84	1,00
25	1032,93	1042,37	1,00
30	1239,13	1243,34	1,00
35	1445,34	1447,62	1,00
40	1651,54	1658,47	1,00
42	1734,02	1719,25	1,00
45	1857,74	1855,08	1,00

- Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation): $y = 41,2402x + 1,9284$

Với (With): y: Giá trị tính toán, kN
(y: Calculated value, kN)
x: Giá trị đọc trên phương tiện đo, MPa
(x: Reading on tester, MPa)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

gth

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.08K/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật (Technical balance)**
Kiểu (Type): PET
Số hiệu (Serial N^o): 05801 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mico Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):
- Mức cân lớn nhất (Max. capacity): 1000 g
- Mức cân nhỏ nhất (Min. capacity): 5 g
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 g

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 01 : 2022 Cân cấp chính xác I và II - Quy trình hiệu chuẩn**
(Method of calibration) (Balance of class I and II - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due date)
(02÷03)K/HC	Bộ quả cân chuẩn (Set of weights) F ₁	Trung Tâm Đo Lường - ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,6 ÷ 28,7) °C (54 ÷ 56) %RH
- Nhiệt độ thay đổi không vượt quá (The change in temperature should not exceed): ± 1 °C/h

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25K/08

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

 **TRƯƠNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiến Lâm

 **GIÁM ĐỐC**

(Director) **PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Nghị



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (No): 239.08K/0525

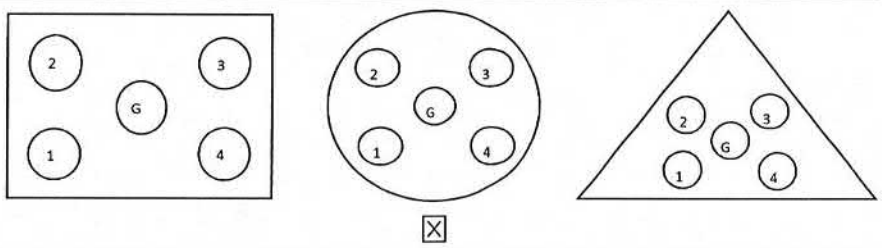
1. Độ lặp lại (Repeatability):

Mức cân (Load), g	Độ lệch chuẩn (Standard deviation of reading), g
500	0,000
1000	0,000

2. Độ lệch tâm (Eccentricity):

Mức cân (Load), g	500				
Vị trí đặt tải (Load position)	G	1	2	3	4
Sai lệch (difference), g	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Lệch tâm lớn nhất, g (Maximum difference)	0,00				

Sơ đồ (Sketch):



3. Độ đúng (Accuracy):

Mức cân (Load)	Giá trị đọc mức cân (Balance Reading)	Số hiệu chỉnh (Correction)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)
g	g	g	mg
5	5,00	0,00	8,2
10	10,00	0,00	8,2
20	20,00	0,00	8,2
50	50,00	0,00	8,2
100	100,00	0,00	8,2
200	200,00	0,00	8,2
500	500,00	0,00	8,2
1000	1000,00	0,00	8,3

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo OIML R 76-1 : 2006. Cấp chính xác II

(This Instrument has been calibrated complying with OIML R 76-1:2006. Accuracy class II)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

DL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.09K/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật (Technical balance)**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N^o): 558171312 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

- Mức cân lớn nhất (Max. capacity): 30000 g
- Mức cân nhỏ nhất (Min. capacity): 50 g
- Giá trị độ chia (Division): 1 g

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 01 : 2022 Cân cấp chính xác I và II - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration) (Balance of class I and II - Calibration procedure)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due date)
(02÷03)K/HC	Bộ quả cân chuẩn (Set of weights) F ₁	Trung Tâm Đo Lường - ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,4 ÷ 28,6) °C (52 ÷ 54) %RH

- Nhiệt độ thay đổi không vượt quá (The change in temperature should not exceed): ± 1 °C/h

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25K/09

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



VILAS 1265

KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC

(Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (No): 239.09K/0525

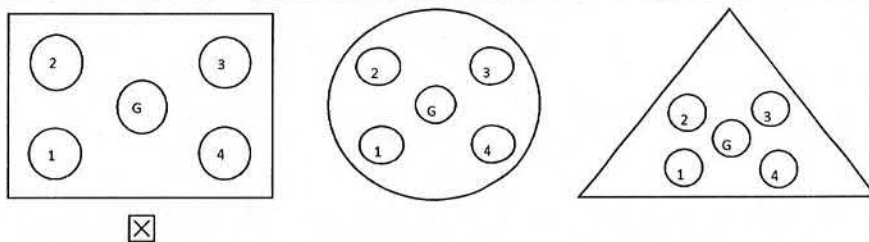
1. Độ lặp lại (Repeatability):

Mức cân (Load), g	Độ lệch chuẩn (Standard deviation of reading), g
15000	0,0
30000	0,0

2. Độ lệch tâm (Eccentricity):

Mức cân (Load), g	10000				
Vị trí đặt tải (Load position)	G	1	2	3	4
Sai lệch (difference), g	0	0	0	0	0
Lệch tâm lớn nhất, g (Maximum difference)	0				

Sơ đồ (Sketch):



3. Độ đúng (Accuracy):

Mức cân (Load) g	Gía trị đọc mức cân (Balance Reading) g	Số hiệu chỉnh (Correction) g	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) mg
50	50	0	820
100	100	0	820
200	200	0	820
500	500	0	820
1000	1000	0	820
2000	2000	0	820
5000	5000	0	820
10000	10000	0	820
20000	20000	0	820
30000	30000	0	820

- Phương tiện này đã được hiệu chuẩn phù hợp theo OIML R 76-1 : 2006. Cấp chính xác II

(This Instrument has been calibrated complying with OIML R 76-1:2006. Accuracy class II)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.12D/0525

Tên phương tiện đo (Object): ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)
Kiểu (Type): No.3058s - 19
Số hiệu (Serial N^o): AUBU27 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,5 ÷ 25,5) °C (56 ÷ 59) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/12

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

K.S. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG



VILAS 1265
KS. Nguyễn Tiên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.12D/0525

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	6 μm
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 μm
1/2 vòng (circle)	:	-3 μm
1 vòng (circle)	:	4 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	6 μm
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	2 μm
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 μm
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 μm

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

9/12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.13D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**
Kiểu (Type): No.3058s - 19
Số hiệu (Serial N^o): AUBU33 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,7 ÷ 25,9) °C (58 ÷ 60) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/13

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG



KS. Nguyễn Tiến Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.13D/0525

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-6 μm
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 μm
1/2 vòng (circle)	:	-4 μm
1 vòng (circle)	:	-4 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-5 μm
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	2 μm
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 μm
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 μm

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001) R

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.14D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**
Kiểu (Type): No.3058s - 19
Số hiệu (Serial N^o): AUBU22 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,4 ÷ 25,7) °C (55 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/14

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)


VILAS 1265
KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC

(Director)

HỮU NGHỊ
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.14D/0525

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	-4 μm
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 μm
1/2 vòng (circle)	:	-4 μm
1 vòng (circle)		4 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-6 μm
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	2 μm
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 μm
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 μm

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001) 

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)



Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.15D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **ĐỒNG HỒ SO (DIAL INDICATORS)**
Kiểu (Type): No.3058s - 19
Số hiệu (Serial N^o): AVGF14 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mitutoyo Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 50) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 75 : 2001 Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
17D/HC	Thiết bị kiểm đồng hồ so (Dial gage tester)	VMI	12-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (25,3 ÷ 25,6) °C (55 ÷ 57) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/15

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG



KS. Nguyễn Tiến Lâm

KT. GIÁM ĐỐC



Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.15D/0525

Kết quả (Results):

- Sai số tổng (Total error on wide range)	:	5 μm
- Sai số thành phần (Partial error)		
1/10 vòng (circle)	:	-3 μm
1/2 vòng (circle)	:	4 μm
1 vòng (circle)	:	-5 μm
1/5 phạm vi đo (measuring range)	:	-7 μm
- Độ hồi sai (Retrace error)	:	0 μm
- Độ lặp lại (Repeatability)	:	1 μm
Độ không đảm bảo đo (Uncertainty)	:	6,00 μm

Đạt yêu cầu kỹ thuật và đo lường theo ĐLVN 75:2001 (Complying with ĐLVN 75:2001)

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No): 239.16N/0525

Tên phương tiện đo (Object): **TỦ SẤY (DRY OVEN)**
Kiểu (Type): **HN101 - 2** Mã nhận dạng (ID): **N/A**
Số hiệu (Serial No): **5536** Năm sản xuất (Year): **N/A**
Nơi sản xuất (Manufacturer): **China**
Đặc trưng kỹ thuật: - Phạm vi nhiệt độ (Range): **300 °C (Max)**
(Specifications) - Giá trị độ chia (Division value): **10 °C**
- Bộ hiển thị nhiệt độ (Temperature display set): **Chỉ thị tương tự (Analog Indicator)**
- Kích thước bên trong (Internal dimension) (W x D x H): **(550 x 550 x 450) mm**
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) **BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) **BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang**
Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 03: 2024 Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn**
(Method of calibration) **(Thermal Chamber - Calibration procedure)**

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
07N/HC	Bộ đo nhiệt độ đa kênh (Digital temperature recorder)	Quatest 2	02-2026

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (29,8 ÷ 29,9) °C (62 ÷ 65) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25N/16

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)



KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC

(Director)



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

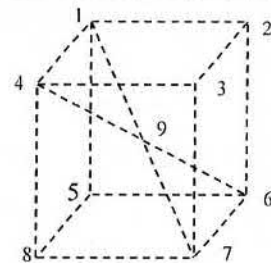
Số (No): 239.16N/0525

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Giá trị chỉ thị trung bình (Average Indication Value) °C	Giá trị chuẩn trung bình (Average Reference Value) °C	Số hiệu chỉnh (Correction) °C	Độ đồng đều (Uniformity) °C	Độ ổn định/30 min (Stability/30 min) °C	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) °C
105	105	104,85	-0,15	± 0,63	± 0,75	1,74

BẢNG SỐ LIỆU (DATA TABLE)

Nhiệt độ đặt (Set Temperature) °C	Thời điểm kiểm tra (*) (lần đo thứ j = 1, ...n)	Giá trị chỉ thị (Indication Value) °C	Giá trị chuẩn, °C (Reference Value, °C)								
			Vị trí 1 (Posit 1)	Vị trí 2 (Posit 2)	Vị trí 3 (Posit 3)	Vị trí 4 (Posit 4)	Vị trí 5 (Posit 5)	Vị trí 6 (Posit 6)	Vị trí 7 (Posit 7)	Vị trí 8 (Posit 8)	Vị trí 9 (Posit 9)
105	1	105	104,80	104,45	104,14	104,99	105,09	104,78	104,85	104,94	104,43
	2	105	105,05	105,10	105,39	104,94	105,19	105,18	105,40	104,19	104,98
	3	105	104,60	104,20	105,14	104,19	105,14	104,38	104,95	104,84	104,48
	4	105	105,00	104,40	105,19	104,29	104,14	105,23	105,20	105,39	105,23
	5	105	104,95	104,50	104,64	104,14	104,69	104,93	104,40	104,19	105,23
	6	105	104,85	104,70	104,99	104,79	104,74	105,18	105,25	105,39	105,18
	7	105	104,90	104,35	104,24	104,14	105,24	104,43	105,15	104,94	104,68
	8	105	104,85	104,50	105,34	104,99	104,49	104,28	104,40	104,44	105,23
	9	105	104,90	105,00	105,24	104,89	105,24	104,18	105,00	105,19	104,53
	10	105	104,85	104,80	105,29	104,79	105,29	104,78	105,05	104,59	105,33
	11	105	104,30	105,00	105,14	104,24	104,54	104,33	104,35	104,64	104,43
	12	105	105,10	105,20	104,84	104,39	104,39	104,58	105,40	104,19	105,28
	13	105	105,10	105,30	105,14	104,89	104,59	105,38	104,65	104,34	104,53
	14	105	104,50	104,80	104,24	105,29	105,19	104,93	104,20	105,19	105,18
	15	105	105,80	105,30	105,39	105,49	105,19	105,28	105,35	105,49	105,38

(*) : Sau khi nhiệt độ đã ổn định (After the temperature has reached the steady state value)
 - Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%
 (The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)



Mặt trước: mặt phẳng (4,8,7,3)
 Front surface of (4,8,7,3)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
 (This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
 (This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
 (This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (No) : 239.17D/0525

Tên phương tiện đo (Object) : CÀN BENKELMAN (BENKELMAN BEAM)

Kiểu (Type) : N/A

Số hiệu (Serial No): 1170922

Năm sản xuất (Year): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications) :

+ Đồng hồ so(Dial indicator) : - Kiểu (Type): N/A

- Cơ sở sản xuất (Manufacturer): China

- Số hiệu (Serial No): 157

- Phạm vi đo (Measuring range) : (0 đến(to) 10) mm

- Giá trị vạch chia (Division): 0,01 mm

- Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/17A

Cơ sở sử dụng: CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA
(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 09 : 2022 Càn Benkelman - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Mã số (ID)

08D/HC

Tên chuẩn (Equipment)

Đồng hồ so 50mm

(Dial indicator 50mm)

Liên kết chuẩn (Traceability)

ĐL Cần Thơ

Hiệu Lực (Due Date)

11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment) : (29,5 ÷ 29,7) °C

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label) : 239.25D/17

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration) : 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date) : 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiến Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.17D/0525

Kết quả (Results):

Phương trình hiệu chuẩn (The calibration equation) $y = 1,952 x$

Với (With) : y : Giá trị tính toán (Calculated value), mm

x : Giá trị đọc trên đồng hồ so (Reading value), mm

Tỷ số truyền của cần (Beam fulcrum ratio) : 1,952 : 1

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k = 2$, mức tin cậy 95% : $U = 2,30$ % giá trị tính toán

(Expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95% confidence level): $U = 2,30$ % Calculated value

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2 / 2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiệt, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.18D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **THƯỚC CẶP (VERNIER CALIPERS)**
Kiểu (Type): 1108-200
Số hiệu (Serial N^o): 1304202174 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): INSIZE Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):
- Phạm vi đo (Measuring range): (0 ÷ 200) mm
- Giá trị độ chia (Division): 0,01 mm
- Chỉ thị (Indicator): Hiện số
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Phương pháp thực hiện: ĐLVN 119 : 2003 Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lực (Due Date)
02D/HC	Bộ căn mẫu (Gage Blocks)	TT Đo Lường	12-2027

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,1 ÷ 22,3) °C (51 ÷ 52) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/18

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
Head of Metrology
ILAC-MRA
BUREAU OF ACCREDITATION
VIETNAM
VILAS 1265
KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
C. MINH KIỀU - TP. CẦN THƠ
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (No): 239.18D/0525

- Kiểm tra thước đo ngoài (Checking outside measurement scale) :

Giá trị trung bình đọc trên phương tiện đo <i>Average reading on tester</i> mm	Giá trị chuẩn <i>Reference value</i> mm	Sai số <i>Error</i> mm	Độ không đảm bảo đo <i>Uncertainty</i> μm
0,00	0,000	0,00	6,01 + 15,41L [L] : m
20,00	20,000	0,00	
40,00	40,000	0,00	
60,00	60,000	0,00	
80,00	80,000	0,00	
100,00	100,000	0,00	
120,00	120,000	0,00	
140,00	140,000	0,00	
160,00	160,000	0,00	
180,00	180,000	0,00	

Độ song song hai mỏ đo, μm <i>Reading on tester, μm</i>	Độ phẳng mỏ đo, μm <i>Reference value, μm</i>
1,00	1,00

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%

(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.19D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 0,075 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 0075 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,4 ÷ 22,5) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/19

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiên Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.19D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
0,075	0,075	0,000	12,54

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

12

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.20D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 0,14 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 014 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,7 ÷ 22,8) °C (54 ÷ 55) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/20

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

K.S. TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiến Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.20D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
0,14	0,140	0,000	12,58

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No. of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.21D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 0,315 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 0315 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,9 ÷ 23,1) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/21

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiên Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.21D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
0,315	0,316	-0,001	12,52

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang: (No of Paper) 2/2
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.22D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 0,425 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 0425 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu Lức (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,9 ÷ 23,1) °C (53 ÷ 55) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/22

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

(Signature)
KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)

(Signature)
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.22D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
0,425	0,426	-0,001	12,9

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.23D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 1,25 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 125 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,1 ÷ 23,2) °C (55 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/23

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

 **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiến Lâm

 **KT. GIÁM ĐỐC**
(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.23D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
1,25	1,248	0,002	12,72

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)
2/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.24D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 2,36 mm**

Kiểu (Type): N/A

Số hiệu (Serial N^o): 236 Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,3 ÷ 23,5) °C (53 ÷ 54) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/24

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

 **TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiến Lâm

 **GIÁM ĐỐC**

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

(N^o): 239.24D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
2,36	2,361	-0,001	12,54

R

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.25D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 2,5 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 25 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,6 ÷ 23,8) °C (54 ÷ 55) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/25

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

[Signature]
KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC

(Director)

[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
Q. NINH KIỀU - TP. CẦN THƠ
M.S.D.N.: 1801618576 - C.T.C.P

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.25D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
2,5	2,503	-0,003	15,4

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang: (No of Paper) 2/2
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.26D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 4,75 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 475 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)
Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,3 ÷ 23,5) °C (55 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/26

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

K.S. Nguyễn Tiến Lâm

KT. GIÁM ĐỐC
(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.26D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
4,75	4,75	0,00	18,32

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)
2/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.27D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 5 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N°): 5 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,2 ÷ 23,4) °C (55 ÷ 56) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/27

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

(Signature)
KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



(Signature)
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.27D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
5	5,02	-0,02	46,04

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.28D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 9,5 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 950 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (23,1 ÷ 23,3) °C (50 ÷ 51) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/28

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

(Signature)
K.S. Nguyễn Kiến Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC
(Director)



(Signature)
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

7/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.28D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm.	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
9,5	9,49	0,01	20,92

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/1

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.29D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 0,63 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N°): 063 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
10D/HC	Kính hiển vi	ĐL Cần Thơ	06-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,8 ÷ 22,9) °C (50 ÷ 51) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/29

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

[Signature]
KS. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)
PHỤ GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Hữu Nghị



Trang:
(No of Paper)
4/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.29D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
0,63	0,626	0,004	12,58

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.30D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 19 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 19 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,6 ÷ 22,8) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/30

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC
(Director)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.30D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
19	19,01	-0,01	35,50

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.31D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 25 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 25 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thuốc cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,6 ÷ 22,8) °C (51 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/31

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

 **TRƯƠNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

(Head of Metrology)


KS. Nguyễn Xuân Lâm

 **GIÁM ĐỐC**

(Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Hữu Nghị



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.31D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
25	25,03	-0,03	28,38

R

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.32D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 20 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N°): 20 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,6 ÷ 22,8) °C (51 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/32

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

K.S. Nguyễn Tiến Lâm

GIÁM ĐỐC
(Director)

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)
1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N°): 239.32D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
20	20,00	-0,004	16,84

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

12

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.33D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 10 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N^o): 10 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,5 ÷ 22,6) °C (52 ÷ 53) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/33

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Xuân Lâm

KT. GIÁM ĐỐC
(Director)

PHỔ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.33D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
10	10,03	-0,03	15,12

R

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.34D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 37,5 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N°): 375 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,4 ÷ 22,5) °C (57 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/34

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

KS. **TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiên Lâm

KT. **GIÁM ĐỐC**
(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty ĐL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.34D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
37,5	37,47	0,03	18,28

12

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)
2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.35D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **Lưới sàng (Sieves) 40 mm**
Kiểu (Type): N/A
Số hiệu (Serial N°): 40 Mã nhận dạng (ID): N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer): China Năm sản xuất (Year): N/A
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): Đường kính lưới sàng (Sieves diameter): 300 mm
Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**
(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Phương pháp thực hiện: **ĐLCT 02 : 2022 Lưới sàng - Quy trình hiệu chuẩn**
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
07D/HC	Thước cặp	ĐL Cần Thơ	11-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (22,3 ÷ 22,4) °C (58 ÷ 59) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/35

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025
(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiến Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC
(Director) **NHỘ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.35D/0525

Giá trị danh nghĩa (Nominal value) mm	Giá trị chuẩn trung bình (Average Indication Value) mm	Sai số (Error) mm	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) μm
40	39,97	0,03	19,16

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ $k = 2$, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level)

12

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

012

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

DL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)
Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): 239.36C/0525

Tên phương tiện đo (Object): **BÚA THỬ BÊ TÔNG (CONCRETE TEST HAMMER)**

Kiểu (Type): C380

Số hiệu (Serial No): 1U0113

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Matest

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications): - Phạm vi đo (Range): (10 ÷ 100) R

- Độ phân giải (Resolution): 2 R

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**

(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**

(Place of calibration) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 150 : 2004 - Thiết Bị Thử Cường Độ Bê Tông Bằng Phương Pháp Bật Nảy - Quy Trình Hiệu Chuẩn

(Method of calibration)

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,6 ÷ 28,7) °C

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)

Tên chuẩn (Description)

01C/HC

Đe chuẩn (Calibration anvil)

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No)

Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25C/36

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

KS. Nguyễn Tiên Lâm

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N°): 239.36C/0525

Kết quả (Results):

Giá trị bật nảy của đe chuẩn (Rebound value of calibration anvil)	Giá trị chỉ thị trên thiết bị, R (The value is only visible on the device), R											Sai số tuyệt đối (Absolute error)	
	R	1 st	2 nd	3 rd	4 th	5 th	6 th	7 th	8 th	9 th	10 th		TB (Average)
(82 ± 2)	80	80	80	81	81	81	81	80	80	80	80	80,4	-1,6

Sai số cho phép (Permitted error) : $\pm 2 R$

Độ không đảm bảo đo mở rộng với $k=2$, Mức tin cậy 95% : $U = 2,08 R$

(Expanded uncertainty of measurement with $k=2$, at 95% confidence level) : $U = 2,08 R$

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang:
(No of Paper)

2/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Căn Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

(Can Tho Verification and Metrology Quality Joint Stock Company)

ĐL CẦN THƠ : ĐK 390

Địa chỉ (Add): Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, khu vực 1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

(No.13/68 Tran Vinh Kiet, Area 1, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City)

Điện thoại (Tel): 0909 992 665 - 0775 992 665 - Website: doluongcantho.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): 239.37D/0525

Tên phương tiện đo (Object): **MÁY THỦY CHUẨN (AUTOMATIC LEVEL)**

Kiểu (Type): AT-B4A

Số hiệu (Serial N^o): WP140959

Mã nhận dạng (ID): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): TOPCON

Năm sản xuất (Year): N/A

Đặc trưng kỹ thuật (Specifications):

+ Độ chính xác trên 1km đo đi về (The standard deviation for 1 km double-run leveling): ± 2,0 mm

+ Phạm vi bù tự động (Automatic compensation range): ± 15'

+ Độ chính xác tự động bù xiên (compensator accuracy): 0,5 "

Cơ sở sử dụng: **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**

(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Nơi hiệu chuẩn: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ**

(Place of calibration) Số 13/68 Trần Vinh Kiệt, KV1, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Phương pháp thực hiện: ĐLCT 28 : 2022 (Máy thủy chuẩn - Quy trình hiệu chuẩn)

(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Mã số (ID)	Tên chuẩn (Description)	Liên kết chuẩn (Traceability)	Hiệu lực (Due Date)
09L/HC	Thước vạch chuẩn	Huntech	05-2025
10L/HC	Thước vạch chuẩn	Huntech	05-2025

Môi trường hiệu chuẩn (Calibration environment): (28,3 ÷ 28,5) °C (55 ÷ 58) %RH

Hiệu chỉnh (Adjustment): Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results): Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem hiệu chuẩn (Calibration label): 239.25D/37

Ngày hiệu chuẩn (Date of calibration): 08-5-2025

Ngày khuyến nghị hiệu chuẩn tiếp theo (Recommended recalibration date): 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG

(Head of Metrology)

KS. Nguyễn Tiên Lâm

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)



Nguyễn Hữu Nghị

Trang:
(No of Paper)

1/2

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ
(This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

CALIBRATION RESULTS

Số (N^o): 239.37D/0525

Kết quả hiệu chuẩn (Results of calibration)	
- Sai số nhỏ hơn sai số cho phép của máy (Horizontal cross-line error check)	± 2,0 mm
- Độ lệch chuẩn thực nghiệm trên 1km đo đi và đo về (The experimental standard deviation for 1 km double-run leveling)	0,89 mm
- Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty)	1,54 mm

- Độ không đảm bảo đo với hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%
(The uncertainty with coverage factor k = 2, at 95% confidence level)

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
(This measuring instrument is not used for quantifying goods and services in trading, payment, safety assurance, community health protection, environmental protection, inspection, inspection and assessment, law and in other public service activities)

- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
(This measuring instrument is not to be used directly for the verification of group 2 measuring instruments)

Trang: (No of Paper) 212	Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty DL Cần Thơ (This calibration shall not be reproduced except in full, without the written approval of DL Can Tho)
--------------------------------	--



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiệt, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA KỸ THUẬT

TECHNICAL INSPECTION CERTIFICATE

Số (No): 23938/KĐ.DL CANTHO

1.Thiết bị (Equipment): MÁY GÔNG TỪ

- Mã hiệu (Model) : CJE – 12/220
- Số chế tạo (Serial no) : 23938
- Nhà chế tạo (Manufacturer) : China
- Năm chế tạo (Manufacturer year) : Không rõ

2.Thông số kỹ thuật cơ bản (Basic technological parameters on)

- Nguồn điện (Electric supply) : DC 12V, AC 220V
- Công suất (Rated output) : 50 Hz
- Kích thước đầu dò (Probe size) : (208 x 52 x 146) mm
- Chiều dày dây cáp nguồn (Power cable thickniss) : 110 mm
- Khoảng cách giữa hai tâm cực từ (Distance between two centers) : (50 – 200) mm

3.Thuộc đơn vị (The present user): CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA

Địa chỉ (Add): BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

4. Kết quả: Thiết bị đã được kiểm tra kỹ thuật, các thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu theo thiết kế của nhà chế tạo. Thiết bị đủ điều kiện để đưa vào sử dụng

(The equipment has been tested technically, the technical parameters ensure the requirements according to the manufacturer's design. Equipment is eligible to put into use).

5. Ngày kiểm tra (Inspection date) : 08-5-2025

6. Tem (Label) : 239.25/38

7. Ngày kiểm tra kế tiếp (Net test date) : 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

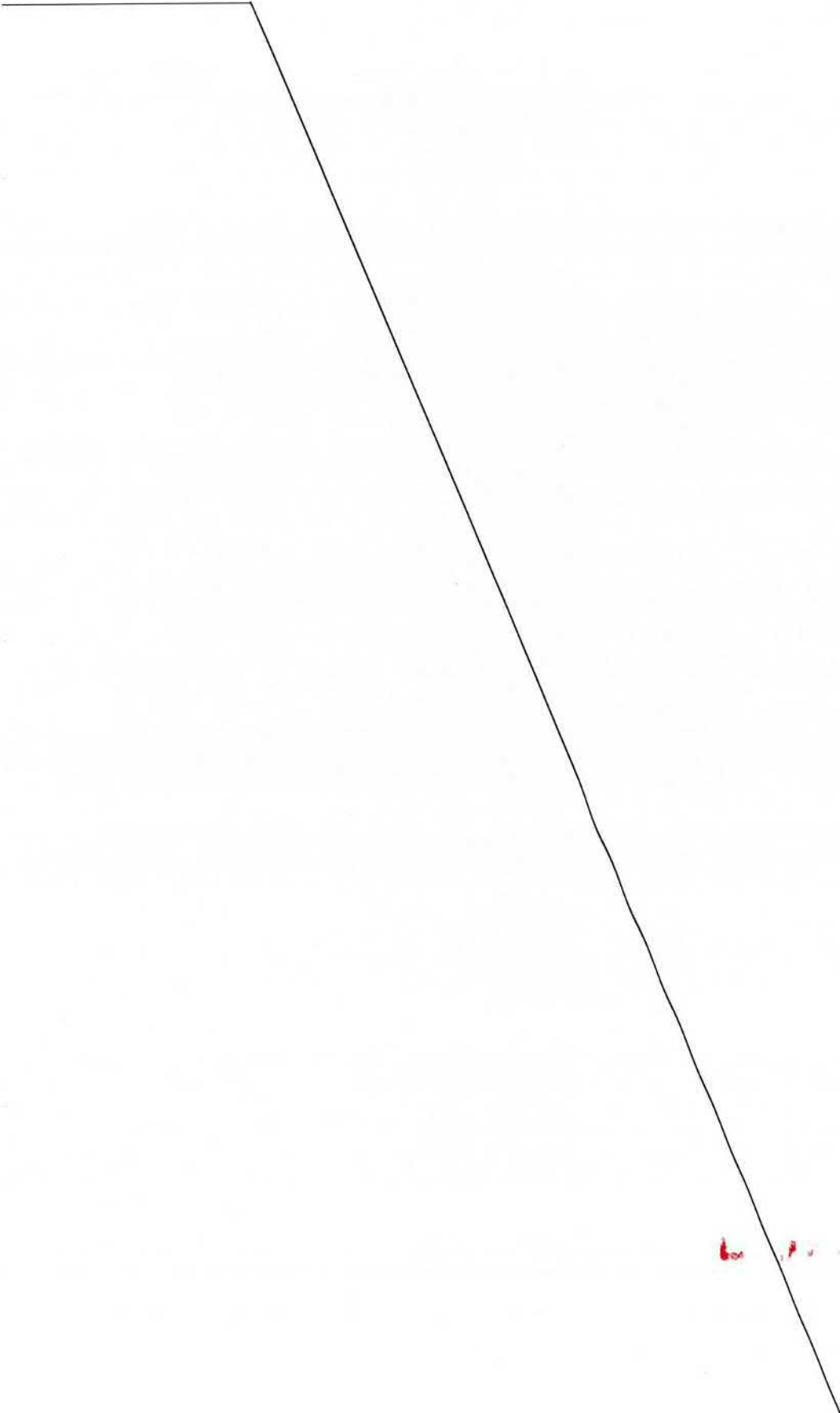
Người Thực hiện
(Inspector)

K.T. GIÁM ĐỐC
V. (Director)
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Luân




Nguyễn Hữu Nghị



6.1.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC : ĐL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, Khu vực 1, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

ĐT : 0775.992665 - 0909.992665 - Email : doluongcantho@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA

CERTIFICATE OF MEASUREMENT AND TEST RESULTS

Số (N^o) : 239.39D/0525

Tên phương tiện đo (Object) : **MÁY KINH VĨ (ELECTRONIC THEODOLITE)**
Kiểu (Type) : ET - 02 Mã nhận dạng (ID) : N/A
Số hiệu (Serial N^o) : 175720 Năm sản xuất (Year) : N/A
Nơi sản xuất (Manufacturer) : SOUTH :
Đặc trưng kỹ thuật (Specifications) : + Phạm vi đo góc (angle measurement range) H_V : 0 - 360 °
+ Độ phân giải (Division) 1 "
+ Độ chính xác (Accuracy) ± 3 "
+ Chỉ thị số (Digital Indicator)

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HOÀNG GIA**
(Customer) BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Phương pháp thực hiện : ISO 17123-3; ISO 17123-4 item 5
(Method of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used) :

Hệ thống thiết bị kiểm tra máy trắc địa

Hiệu chỉnh (Adjustment) : Không (No) Có (Yes)

Kết quả (Results) : Xem kết quả trang sau (See the results on the next page)

Tem (Label) : 239.2DD/39

Ngày kiểm tra (Test day) : 08-5-2025

Ngày khuyến nghị kiểm tra tiếp theo (Recommended net test date) : 08-5-2026

Tp. Cần Thơ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

(Date of issue)

NGƯỜI THỰC HIỆN

(Implementer)

Nguyễn Hữu Phước

K.T. GIÁM ĐỐC

(Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị



KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA

Measurement & Inspection Results

Số (N^o) : 239.39D/0525

I. Độ chính xác đo góc (Angle accuracy):

a. Sai số góc ngang (Horizontal angle deviation) :

- Sai số góc nhỏ hơn sai số cho phép của máy (Angle deviation is lower than standard deviation) : $\pm 3''$

- Độ lệch chuẩn thực nghiệm (The experimental standard deviation) : 2,1''

b. Sai số góc đứng (Vertical angle deviation) :

- Sai số góc nhỏ hơn sai số cho phép của máy (Angle deviation is lower than standard deviation) : $\pm 5''$

- Độ lệch chuẩn thực nghiệm (The experimental standard deviation) : 1,5''

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ

Can Tho Verification and Metrology Quality JSC:

DL CẦN THƠ

Số 13/68 Trần Vĩnh Kiết, khu vực 1, phường An Bình,
quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ - ĐT : 0775.992665 - 0909.992665
Email : doluongcantho@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N^o): 0033 /DTD/2025

Tên đối tượng:

MÁY ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT

Object:

Kiểu:

KEW 4105A

Số:

E8302009

Type:

Serial No:

Nơi sản xuất:

KYORITSU - Thái Lan

Năm:

Không rõ

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

- Phạm vi đo:

(0 ÷ 1999) Ω

Specifications:

Measuring range:

Nơi sử dụng:

BT2, đường số 16, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Place:

Người/Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG
HOÀNG GIA

User:

Phương pháp thực hiện:

DLVN 143: 2019 Phương tiện đo điện trở tiếp đất -
Quy trình kiểm định

Method of verification:

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

65A 10545

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến: (*)

31-5-2026

Valid until:

Tp. Cần Thơ, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

Nguyễn Văn Luân

K.T. GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Nghị

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản
(With respectfulness of rules of use and maintenance)



KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

VERIFICATION RESULTS

Số (N^o): 0033 /DTD/2025

Đặc trưng đo lường (Specifications):

Thang đo <i>Level</i>	Phạm vi đo <i>Measuring range</i>	Sai số cho phép của nhà sản xuất <i>Manufacturer's allowable deviation</i>
20 Ω	(0,00 ÷ 19,99) Ω	$\pm 2\%$ giá trị đọc $\pm 0,1 \Omega$
200 Ω	(0,0 ÷ 199,9) Ω	$\pm 2\%$ giá trị đọc ± 3 dgt (lớn hơn 20 Ω)
2000 Ω	(0 ÷ 1999) Ω	